

REVIEW 3

LANGUAGE

- fasten	(v) : buộc chặt, trói chặt
- gravy	(n) : nước xốt
- richness	(n) : sự giàu có
- light	(v) : thắp (đèn), chiếu sáng
- float	(n) : xe điều hành
- atmosphere	(n) : khí quyển
- carnival	(n) : ngày hội
- souvenir	(n) : đồ lưu niệm
- balcony	(n) : ban công
- whole	(n) : toàn bộ, tất cả
- remote area	(n) : vùng xa xôi, hẻo lánh
- attend	(v) : tham dự, tham gia